



Thực hiện đường lối đổi mới nền kinh tế ở nước ta, từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (86) đến nay doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNV&N) đã được phục hồi phát triển nhanh chóng, có vai trò ngày càng to lớn trong quá trình phát triển nền kinh tế hàng hóa ở nước ta. Nhưng cho đến nay, ở nước ta vẫn chưa có văn bản pháp lý, quy định cụ thể những tiêu thức để phân loại, quản lý, đánh giá các DNV&N. Do đó nghiên cứu xác định những tiêu thức cụ thể đối DNV&N hết sức cần thiết.

I. NHỮNG TIÊU THỨC PHÂN LOẠI

Do chưa có văn bản pháp quy của Nhà nước về loại hình DNV&N, nên có nhiều quan niệm khác nhau về DNV&N.

Thuật ngữ DNV&N (Small and Medium Enterprise - SME). Hiểu theo nghĩa của cụm từ trên là nói đến các cơ sở sản xuất kinh doanh có quy mô tương đối nhỏ (không lớn lắm). Nhưng để nói chính xác thế nào là quy mô nhỏ và không lớn lắm thì còn là một vấn đề có nhiều ý kiến khác nhau giữa các nhà kinh tế ở trong và ngoài nước.

Thông thường việc xác định quy mô DNV&N của một nước là sự cân nhắc, xem xét về nhiều mặt, đối với từng giai đoạn phát triển kinh tế, nhu cầu giải quyết việc làm, tính chất hoạt động của doanh nghiệp và mức độ phát triển của doanh nghiệp.

Ở nước ta vào trước những năm 1986 DNV&N ngành công nghiệp được chia thành 5 loại, tiêu thức chủ yếu dựa vào : giá trị tổng sản lượng, tổng số công nhân, yêu cầu phức tạp của quản lý và cơ quan chủ quản là địa phương hay Trung ương. Sự phân chia như trên chủ yếu là để phục vụ cho bộ máy quản lý.

Mấy năm gần đây từ thực tế phát triển DNV&N và qua nhiều hội thảo bàn về DNV&N, các cơ quan quản lý

NHỮNG GIẢI PHÁP QUẢN LÝ ĐỂ

PHÁT TRIỂN CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Thạc sĩ ĐÀO ĐĂNG KIÊN



Nhà nước, các tổ chức kinh tế, các nhà nghiên cứu đã đưa ra những tiêu thức để xác định DNV&N. Có thể nêu lên một số tiêu thức tiêu biểu như sau:

- DNV&N có vốn pháp định trên 1 tỷ đồng, lao động có trên 100 người và doanh thu hàng năm trên 10 tỷ đồng. Dưới 3 tiêu chuẩn trên là doanh nghiệp nhỏ. (Thông tư số 21/LĐTT ngày 17-6-93 của Liên bộ LĐTĐBXH - Tài chính).

- DNV&N là những doanh nghiệp có lao động thường xuyên dưới 500 người, giá trị tài sản cố định dưới 10 tỷ, số vốn lưu động dưới 8 tỷ và doanh thu dưới 20 tỷ đồng/năm (Lê Đăng Doanh, tham luận tại Hội thảo tháng 10/94 tại Hà Nội).

- DNV&N là doanh nghiệp có doanh thu từ sản xuất công nghiệp dưới 100 tỷ đồng/năm.

- Trong khu vực sản xuất và xây dựng doanh nghiệp có vốn dưới 1 tỷ đồng và dưới 100 lao động thì là doanh nghiệp nhỏ, còn lại từ 1-10 tỷ đồng và lao động từ 100-500 người là doanh nghiệp vừa. Trong khu vực thương mại, dịch vụ, doanh nghiệp có vốn từ 500 triệu đến 5 tỷ đồng, lao động từ 50 đến 250 người là loại doanh nghiệp vừa, các doanh nghiệp có mức vốn và lao động dưới tiêu chuẩn trên là doanh nghiệp nhỏ.

Theo kinh nghiệm nước ngoài :

- Hàn Quốc : Trong lĩnh vực chế tạo, khai thác, xây dựng, doanh nghiệp có dưới 300 lao động thường xuyên và tổng số vốn đầu tư dưới 600.000 USD được coi là DNV&N. Trong số này doanh nghiệp nào có dưới 20 lao động thường xuyên được coi là doanh nghiệp nhỏ. Trong lĩnh vực thương mại : doanh nghiệp có dưới 20 lao động thường xuyên và doanh thu dưới 500.000 USD/năm (nếu bán lẻ) và dưới 250.000 USD/năm (nếu bán buôn) được coi là DNV&N. (1)

- Nhật Bản : Đối với doanh nghiệp sản xuất; có dưới 300 lao động hoặc vốn đầu tư dưới 1.000.000 USD được coi là DNV&N. Trong số này doanh nghiệp nào có dưới 20 lao động được coi là doanh nghiệp nhỏ. Đối với doanh nghiệp bán buôn : doanh nghiệp có dưới 100 lao động hoặc vốn đầu tư 300.000 USD được coi là DNV&N. Trong số này doanh nghiệp nào có dưới 5 lao động được coi là doanh nghiệp nhỏ. (2)

- Thái Lan : doanh nghiệp vừa là những doanh nghiệp có từ 50 - 200 lao

động. Doanh nghiệp nhỏ là những doanh nghiệp có dưới 50 lao động. (3)

Theo chúng tôi ; doanh nghiệp nhỏ có quy mô dưới 500 triệu đồng, doanh nghiệp vừa có số vốn dưới 10 tỷ đồng. Về lao động : doanh nghiệp nhỏ có số lao động thường xuyên dưới 50 người và doanh nghiệp vừa có số lao động thường xuyên dưới 500 người.

Các cách xác định trên có nhiều điểm khác nhau, không thể rập khuôn theo kinh nghiệm nước ngoài hoặc các tiêu thức cứng nhắc, máy móc trong việc phân loại DNV&N, nhất là trong điều kiện nền kinh tế thị trường còn sơ khai và chưa vững chắc, đang trong giai đoạn phát triển ở nước ta hiện nay. Chúng tôi cho rằng khi đưa ra các tiêu thức để phân loại quy mô doanh nghiệp phải dựa vào tiêu thức chung của các nước trong khu vực và thế giới. Đồng thời phải xem xét trong điều kiện cụ thể của Việt Nam trong từng giai đoạn phát triển nền kinh tế và nhất là 2 tiêu thức vốn và lao động thường xuyên, phải được hiểu là đồng thời mới xác định chính xác quy mô DNV&N. Hạn chế của các tiêu thức nói trên là còn thiếu tính chất ngành nghề kinh tế tác động DNV&N. Để phù hợp với từng ngành kinh tế, cần nhấn mạnh đến tính chất quan trọng của từng tiêu thức.

Ngành xây dựng và công nghiệp nhẹ: chú ý sự hợp lý hai tiêu thức vốn và lao động. Ngành thương mại dịch vụ : chú ý nhiều hơn tiêu thức doanh thu. Ngành công nghiệp : chú ý tiêu thức vốn ...

Trong điều kiện nền kinh tế hàng hóa ở nước ta hiện nay, tuy hơi muộn nhưng cần thiết phải có quy định về mặt pháp lý của Nhà nước xác định các tiêu thức cụ thể để phân loại DNV&N, làm tiêu chuẩn khung cho các ngành, lĩnh vực quản lý loại hình doanh nghiệp này.

II. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA DNV&N.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của DNV&N, có những giai đoạn phát triển, nhưng mức độ có khác nhau trong từng thời kỳ nhất định.

Theo chúng tôi có thể chia làm 2 thời kỳ chính để nghiên cứu về loại hình DNV&N. Thời kỳ thứ nhất là những năm 1986 trở về trước và thời kỳ từ sau năm 1986 đến nay. Ở thời kỳ thứ nhất loại hình DNV&N nhìn chung chưa phát triển mạnh, chủ yếu tồn tại và phát triển ở hai loại hình doanh nghiệp là hợp tác xã và doanh nghiệp nhà nước, còn mang nặng tính chất hoạt động của thời kỳ kế hoạch hóa, tập trung quan liêu bao cấp. Ở thời kỳ thứ hai, nhìn chung do chính sách cởi mở hơn về kinh tế của Đảng và Nhà nước, do sự thúc ép cấp bách về vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động : Tăng trưởng lao động tự nhiên hàng năm, dư thừa lao động ở khu vực hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp nhà

nước trải qua giai đoạn củng cố sắp xếp lại, sự trở về của hàng vạn lao động từ Liên Xô (cũ) và Đông Âu, hồi hương của những người di tản ... Do đó DNV&N chủ yếu thuộc thành phần kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ về số lượng, ở các ngành, lĩnh vực kinh tế và các vùng lãnh thổ, đóng góp rất quan trọng vào việc thu hút nguồn lực lao động, nâng cao thu nhập cho người lao động và là động lực tăng trưởng nền kinh tế (xem bảng 1).

Bảng 1 : Thu hút lao động và tỷ trọng khu vực tư nhân trong GDP.

	1990	1991	1992	1993	1994	1995
1- Tổng số lao động làm việc	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
- Trong khu vực nhà nước.	11,28	10,12	9,36	9,05	8,70	8,66
- Trong khu vực tư nhân	88,72	89,88	90,64	90,95	91,30	91,34
2- Tỷ trọng của khu vực quốc doanh trong GDP(%)	32,50	33,30	36,20	39,20	40,20	42,20
3- Tỷ trọng khu vực tư nhân trong GDP(%)	67,50	66,70	63,80	60,80	59,80	57,80

Nguồn : Tổng cục Thống kê.

Theo số liệu ở bảng 1, cho thấy khu vực kinh tế tư nhân mà chủ yếu là loại hình DNV&N thu hút một lực lượng lao động với tỷ trọng lớn (bình quân 90%), năm sau cao hơn năm trước. Nhưng thực tế tỷ trọng GDP của khu vực nhà nước lại tăng cao hơn khu vực tư nhân. Mặc dù số lượng doanh nghiệp nhà nước giảm mạnh từ trên 12.000 doanh nghiệp năm 1990 (trong đó 86% là DNV&N) xuống còn gần 6.000 doanh nghiệp (giảm 50% tính đến 6/96).

Theo số liệu thống kê năm 1996 DNV&N nước ta gồm gần 18.000 doanh nghiệp, chính thức đăng ký hoạt động với các hình thức và thuộc nhiều thành phần kinh tế : doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, xí nghiệp liên doanh và còn có khoảng trên 500.000 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp nhỏ khác.

DNV&N ở thời kỳ này có mức vốn và lao động bình quân cao gấp 2 lần thời kỳ trước năm 1986, lực lượng lao động trẻ, có trình độ văn hóa, kỹ thuật tương đối đồng đều, cao hơn trước, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa, phong phú về chủng loại, mẫu mã chất lượng tốt, có một số sản phẩm đã cạnh tranh được hàng ngoại nhập lậu và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước là các mặt hàng : nhựa gia dụng, xà bông, hóa mỹ phẩm, giấy da, may mặc ... Xu hướng phát triển DNV&N tiếp tục tăng nhanh về số lượng có thể lên tới 20.000 doanh nghiệp và gần 800.000 cơ sở sản xuất nhỏ khác vào năm 2000 với quy mô về vốn và lao động dự báo tăng gấp 3 lần giai đoạn trước năm 1986 và thông thường có tới 70% doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch

vụ.

Ở các nước phát triển và đang phát triển trên thế giới, sự quan tâm hỗ trợ để tạo đà cho DNV&N phát triển là vấn đề hết sức quan trọng của nhà nước, được thể hiện bằng các đạo luật, chính sách và biện pháp cụ thể. Đặc biệt ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia ... đã có "Đạo luật cơ bản về DNV&N". Qua nhiều giai đoạn phát triển kinh tế, các đạo luật này cũng đã được sửa đổi bổ sung nhiều lần, tùy điều kiện cụ thể của từng nước. Ở các nước khác sự quan



Ảnh NGUYỄN TRUNG THANH

tâm của Nhà nước đối với DNV&N được thể hiện bằng : Chương trình phát triển công nghiệp nhỏ và công nghiệp nông thôn (Ấn Độ). Philippines thành lập Ủy ban công nghiệp nhỏ và vừa (Commission on small and medium industries) ... Nghiên cứu tình hình phát triển mô hình DNV&N ở các nước trong khu vực và thế giới hết sức cần thiết. Đó là những bài học quý báu và sâu sắc để vận dụng vào điều kiện thực tế ở nước ta, phát huy vai trò ngày càng to lớn của DNV&N, thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế.

Do đó kiến nghị các giải pháp quản lý nhà nước để phát triển loại hình DNV&N ở nước ta hiện nay, là xuất phát từ chiến lược phát triển kinh tế xã hội năm 2000, nhu cầu đòi hỏi về giải quyết việc làm cho người lao động, thu hút nguồn vốn trong nhân dân vào

đầu tư kinh doanh, phát huy lợi thế của DNV&N, trong những năm cuối thế kỷ 20 là tiền đề rất cơ bản đưa nền kinh tế nước ta bắt kịp các nước trong khu vực vào đầu thế kỷ 21.

III. NHỮNG GIẢI PHÁP QUẢN LÝ

Trên cơ sở kinh nghiệm nước ngoài và thực tế những khó khăn, yếu kém của DNV&N trong nền kinh tế thị trường ở nước ta, có thể nêu lên một số vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của DNV&N : khó khăn về vốn, chi phí vận chuyển cao, công nghệ kỹ thuật thấp, nhu cầu đào tạo chưa được đánh giá đúng, khó khăn về nguồn nguyên liệu đầu vào, hạn chế về cơ sở hạ tầng và mặt bằng sản xuất kinh doanh ...

Để giúp các DNV&N vươn lên khắc phục khó khăn phần đầu giảm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh trên thị trường, thì cần phải có sự hỗ trợ, theo hướng hoàn thiện, đổi mới chính sách quản lý nhà nước đối với DNV&N, chúng tôi nêu lên một số giải pháp quản lý nhà nước để phát triển loại hình DNV&N như sau :

1. Nhà nước tạo hành lang pháp lý cho DNV&N hoạt động bằng cách nghiên cứu ban hành các bộ luật và các văn bản pháp quy để bổ sung, hoàn chỉnh môi trường pháp luật về kinh doanh : luật thương mại, luật ngân hàng, luật kiểm toán, luật về DNV&N...

2. Chính phủ thống nhất quản lý, kiểm tra, giám sát, hỗ trợ và cấp giấy phép cho DNV&N hoạt động thông qua một cơ quan quản lý với một tổ chức bộ máy, có thể gọi là cục quản lý hỗ trợ DNV&N thuộc Bộ thương mại, theo thủ tục "một cửa" về mặt quản lý hành chính nhà nước.

3. Đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước: Tập trung trước mắt là những doanh nghiệp có mức vốn dưới 10 tỷ đồng và cải thiện môi trường đầu tư trong nước theo hướng cởi mở hơn nữa về chính sách thuế, ưu đãi miễn giảm cho các DNV&N hoạt động từ 1-3 năm đầu, nhất là những doanh nghiệp hoạt động ở những vùng kinh tế chưa phát triển (như các vùng núi phía Bắc, miền Trung, Tây Nguyên và Đồng bằng

chính theo hướng cải tiến, giảm bớt phiền hà cho các chủ đầu tư thành lập DNV&N. Theo ý kiến chúng tôi một doanh nghiệp chỉ cần bốn loại giấy tờ: đơn xin thành lập doanh nghiệp, điều lệ hoạt động, giấy chứng nhận vốn, hợp đồng thuê mượn mặt bằng (hoặc quyền sử dụng mặt bằng) là đủ điều kiện để các cơ quan có thẩm quyền xem xét cho phép thành lập DNV&N.

5. Áp dụng các biện pháp kiên



sông Cửu Long ...), khuyến khích giảm thuế cho các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động và có số vốn đầu tư lớn, đồng thời áp dụng mức thu thuế lợi tức 10, 15 và 20% đối với DNV&N.

4. Quy định các thủ tục hành

quyết và có hiệu quả nhằm ngăn chặn hàng ngoại nhập lậu lưu thông trên thị trường, khuyến khích sản xuất, tiêu thụ hàng hóa trong nước để tạo điều kiện cho DNV&N ổn định, phát triển sản xuất kinh doanh. Đồng thời kiểm tra, giám sát hạn chế đến mức thấp nhất những hoạt động vi phạm pháp luật của DNV&N. Phát hiện xử lý kịp thời những doanh nghiệp không đăng ký chính thức, sản xuất kinh doanh trốn thuế và làm hàng hóa kém chất lượng ...

Trong điều kiện nền kinh tế nước ta đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, cần nhận thức đúng vai trò của DNV&N và có chính sách hỗ trợ, tăng cường quản lý nhà nước đối với DNV&N nhằm phát huy các yếu tố cơ bản, quan trọng nhất là thu hút vốn, giải quyết việc làm cho người lao động. Tiến tới từng bước lựa chọn một số DNV&N để phát triển thành doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn của ngành, vùng kinh tế cả nước trong những năm tới, đóng vai trò đầu tàu trong nền kinh tế ở nước ta.

(1), (2), (3) Đổi mới cơ chế quản lý DNV&N trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam trang 11-12-13.

Sơ đồ 2 : Tổ chức bộ máy Cục quản lý hỗ trợ DNV&N.

